

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH04138** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Luật Hình sự và Tổ tụng HS**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			10	8	9.0				9.0		9.0
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			10	7	7.0				7.0		7.3
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			8	8	8.0				8.0		8.0
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			7	7	7.0				8.0		7.6
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			9.5	6	7.0				7.0		7.2
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			9	8	8.0				7.0		7.5
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			7	4	5.0				5.0		5.1
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			5	5	5.0				7.0		6.2
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			8	7	7.0				7.0		7.1
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			8	7	7.0				6.0		6.5
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			7	5	7.0				6.0		6.2
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			9	6	6.5				7.0		7.0
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			8	7	7.0				6.0		6.5
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8	7	7.0				5.0		5.9
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			8	6	6.0				7.0		6.8
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			7	7	7.0				6.0		6.4

Châu Đốc, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền